

Mỹ Lộc, ngày 10 tháng 01 năm 2026

DỰ TOÁN

**Thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
Học kỳ II, Năm học 2025-2026**

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Hướng dẫn số 758/SGDĐT-GDMN ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 của nhà trường. Trường Mầm non Mỹ Thịnh xây dựng Dự toán thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục học kỳ II, năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Dự kiến số trẻ đến trường trong học kỳ II, năm học 2025-2026

STT	Tên lớp	Số lớp	Số trẻ	Số trẻ đi học ngày thứ bảy
1	Nhóm trẻ 24 – 36 tháng	2	40	24
2	Lớp 3 - 4 tuổi	2	54	37
3	Lớp 4 - 5 tuổi	2	69	32
4	Lớp 5 - 6 tuổi	3	72	33
	Cộng	9	235	126

II. Thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

1. Dịch vụ ăn uống, bán trú

a) Dịch vụ ăn bán trú (bao gồm tiền ăn, chất đốt)

**** Cơ sở mức thu***

- Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Định mức thu tiền ăn bán trú: Nhà trường xây dựng bảng thực đơn cụ thể hàng tháng (tuần chẵn và tuần lẻ) và đảm bảo chất lượng dinh dưỡng cho từng độ tuổi, dự kiến mức thu tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn là 22.000 đồng/trẻ/ngày. Thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

- Nhà trường dự kiến thu: Tiền chất đốt và các chi phí khác có liên quan: 2.000 đồng/trẻ/ngày, thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

** Dự kiến thu*

- Tiền ăn: $235 \text{ trẻ} \times 22.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 5 \text{ tháng} = 672.100.000 \text{ đồng}$.

- Tiền chất đốt: $235 \text{ trẻ} \times 2.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 5 \text{ tháng} = 61.100.000 \text{ đồng}$.

** Dự toán chi*

- Chi mua lương thực, thực phẩm theo khẩu phần: 672.100.000 đồng

- Chi mua chất đốt và các chi phí khác có liên quan: 61.100.000 đồng

b) Dịch vụ quản lý học sinh bán trú

** Cơ sở mức thu*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 6.000đồng/trẻ/ngày, thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

** Dự kiến thu:* $235 \text{ trẻ} \times 6.000 \text{ đồng} \times 26 \text{ ngày/tháng} \times 5 \text{ tháng} = 183.300.000 \text{ đồng}$.

** Dự toán chi*

Chi trả tiền công cho giáo viên trực tiếp chăm sóc, công tác quản lý buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính. Cụ thể:

- Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (80%): 146.640.000 đồng

- Chi công tác quản lý (20%): 36.660.000 đồng

c) Dịch vụ nấu ăn

** Cơ sở mức thu*

- Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Nhà trường dự kiến thu: 100.000đồng/trẻ/tháng, thu theo số tháng thực tế trẻ đi học.

** Dự kiến thu:* $235 \text{ trẻ} \times 100.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} = 117.500.000 \text{ đồng}$.

** Dự toán chi*

Chi trả 117.500.000 đồng cho tiền công và các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) cho nhân viên nấu ăn tại nhà trường.

d) Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú

** Cơ sở mức thu*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu lần đầu tuyển mới vào trường (đầu cấp): 300.000 đồng/trẻ/lần

** Dự kiến thu:* 62 trẻ x 300.000 đồng/trẻ = 18.600.000 đồng

** Dự toán chi*

Chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn; chi phí mua đồ dùng cá nhân cho trẻ em, học sinh bán trú: 18.600.000 đồng.

2. Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính

a) Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày thứ bảy, ngày hè

** Cơ sở mức thu*

- Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Nhà trường dự kiến thu: 30.000đồng/trẻ/ngày, thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

** Dự kiến thu:* 126 trẻ x 30.000 đồng x 18 ngày = 68.040.000 đồng

** Dự toán chi*

- Nộp thuế TNDN (2% x 68.040.000 đồng): 1.360.800 đồng

- Kinh phí còn lại sau nộp thuế: 66.679.200 đồng

Trong đó:

+ Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (72%) 48.009.024 đồng

+ Chi cho BQL dạy thêm học thêm (18%): 12.002.256 đồng

+ Chi điện, nước, sửa chữa CSVN (10%): 6.667.920 đồng

b) Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngoài giờ hành chính

** Cơ sở mức thu:*

- Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Nhà trường thu tiền khi cha mẹ có đơn gửi trẻ ngoài giờ và có số giờ thực tế gửi. Nhà trường dự kiến thu: 12.000 đồng/trẻ/giờ, thu theo số giờ thực tế trẻ được

trông giữ, chăm sóc (tính đến ngày 08/01/2026, chưa có cha mẹ đăng ký gửi trẻ ngoài giờ tại nhà trường).

* *Dự kiến thu*: 12.000 đồng/giờ x số giờ thực tế trông giữ, chăm sóc

* *Dự toán chi*

Sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (nếu có) số kinh phí còn lại chi thù lao cho giáo viên trực tiếp trông giữ, chăm sóc trẻ.

3. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh

* *Cơ sở mức thu*

- Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Nhà trường dự kiến thu: 18.000đồng/trẻ/tháng, thu theo số tháng thực tế trẻ đi học.

* *Dự kiến thu*: 235 trẻ x 18.000 đồng x 5 tháng = 21.150.000 đồng.

* *Dự toán chi*

- Chi tiền công vệ sinh sân trường: Nhà trường sẽ thuê 1 ngày 1,5 giờ để dọn vệ sinh sân trường. Số tiền 1 giờ sẽ là : 4.730.000đ/ 26 ngày/8 tiếng = 22.700đồng
Tổng số tiền thuê người dọn vệ sinh: (22.700đ x 1.5 giờ x 26 ngày) * 1 người * 5 tháng = 4.426.500 đồng

- Trả công thu gom rác hàng ngày: 599.400 đồng/tháng x 5 tháng = 2.997.000 đồng

- Mua công cụ, dụng cụ lao động, hóa chất,...: 9.048.000 đồng

- Chi sửa chữa, thay thế thiết bị vệ sinh, hệ thống điện nước khu vệ sinh học sinh và các chi phí khác có liên quan: 4.679.000 đồng

4. Dịch vụ nước cho học sinh

* *Cơ sở mức thu*:

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 15.000 đồng/trẻ/tháng, thu theo số tháng thực tế trẻ đi học.

* *Dự kiến thu*: 235 trẻ x 15.000 đồng/trẻ/tháng x 5 tháng = 17.625.000 đồng.

* *Dự toán chi*

+ Chi tiền nước sạch : 15.000.000 đồng

+ Kiểm nghiệm nguồn nước: 1 lần x 800.000 đồng/lần: : 800.000 đồng

+ Thay lõi lọc định kì, sửa chữa, bảo dưỡng máy lọc nước, : 1.825.000 đồng
bổ sung ca cốc, bình đựng nước:

5. Dịch vụ làm mát bằng điều hòa, cung cấp nước nóng

*** Cơ sở mức thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Tiền điện tháng không sử dụng điều hòa và bình nóng lạnh của nhà trường tại tháng 3/2025 là: 1.744.426 đồng.

- Tiền điện tháng sử dụng điều hòa của nhà trường tại tháng 9/2025 là 4.285.310 đồng. Số tiền chênh lệch giữa tháng sử dụng điều hòa và tháng không sử dụng điều hòa là: $4.285.310 - 1.744.426 = 2.540.884$ đồng. Như vậy 1 trẻ cần nộp số tiền điện để sử dụng điều hòa là: $2.540.884 \text{ đồng} / 235 \text{ trẻ} = 10.812 \text{ đồng/trẻ/tháng}$.

Nhà trường dự kiến thu dịch vụ làm mát bằng điều hòa là 10.000 đồng/trẻ/tháng, thu theo số tháng thực tế sử dụng.

- Tiền điện sử dụng bình nóng lạnh của nhà trường tại tháng 12/2025 là 3.361.116 đồng. Số tiền chênh lệch giữa tháng sử dụng bình nóng lạnh và tháng không sử dụng bình nóng lạnh là: $3.361.116 - 1.744.426 = 1.616.690$ đồng, 1 trẻ cần nộp số tiền là: $1.616.690 \text{ đồng} / 235 \text{ trẻ} = 6.880 \text{ đồng/trẻ/tháng}$.

Nhà trường dự kiến thu dịch vụ cung cấp nước nóng bằng bình nóng lạnh là 5.000 đồng/trẻ/tháng, thu theo số tháng thực tế sử dụng.

*** Dự kiến thu**

Dịch vụ làm mát bằng điều hòa: $235 \text{ trẻ} \times 10.000 \text{ đồng/trẻ} = 2.350.000$ đồng/tháng

Dịch vụ cung cấp nước nóng: $235 \text{ trẻ} \times 5.000 \text{ đồng/trẻ} = 1.175.000$ đồng/tháng

*** Dự toán chi**

- Kinh phí chi trả tiền điện của tháng sử dụng điều hòa được chi từ 100% số tiền thu được từ dịch vụ làm mát bằng điều hòa và nguồn thu khác của nhà trường.

- Kinh phí chi trả tiền điện của tháng sử dụng bình nóng lạnh được chi từ 100% số tiền thu được từ dịch vụ cung cấp nước nóng và nguồn thu khác của nhà trường.

Trên đây là Dự toán thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục học kỳ II, năm học 2025 – 2026 của trường Mầm non Mỹ Thịnh.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lộc;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

 **HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỜNG MẦM NON MỸ THỊNH
Trần Thị Phương

